CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sông Đà 3

Ngày 31/12/2025	7,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**4.3%**	**9.1%**

DT thuần
Q4/25
45.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.5| 74.5%
YoY: ▲ 3.50| 8.4%

LN thuần
Q4/25
28.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.0| 651%
YoY: ▼2.70| -8.5%

LN sau thuế
Q4/25
26.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.5| 528%
YoY: ▼8.60| -24.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
47.3%
YoY: +/-▲ 32.3%

ROE
2025
43.1%
YoY: +/-▲ 47.3%

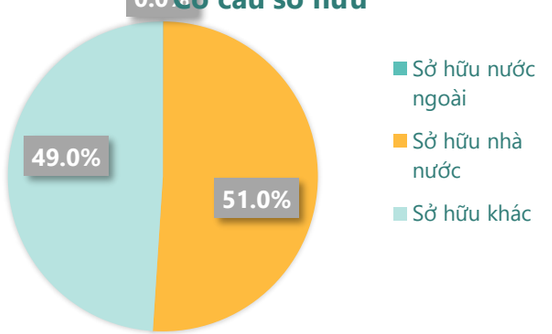
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 8,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	115
Số lượng CPLH (CP)	15,999,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	795
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.13)
EPS	1,832
P/E	3.9

DT thuần
2025
170
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.0| 35.0%

LN thuần
2025
40.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.2| 265%

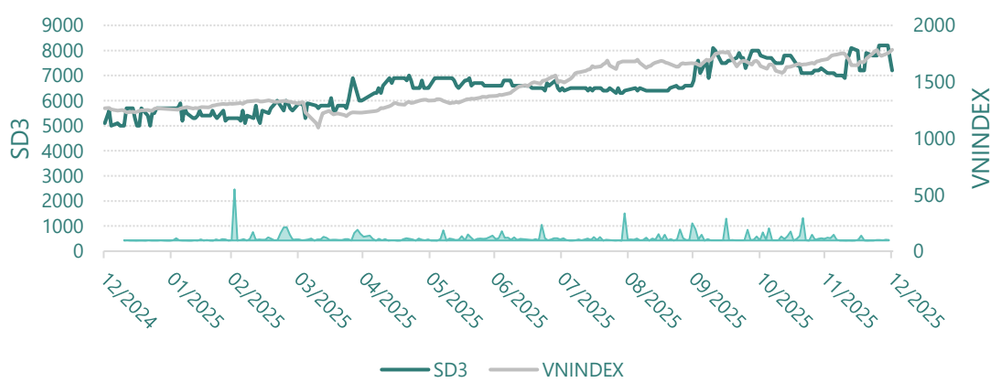
LN sau thuế
2025
30.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.0| 1632%

Cơ cấu sở hữu

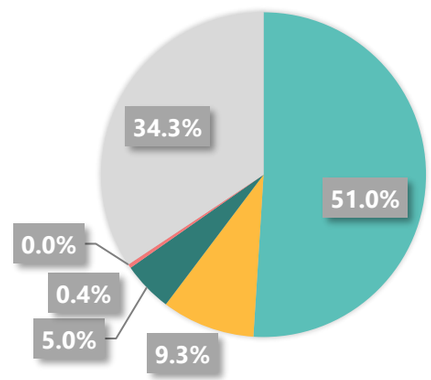


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



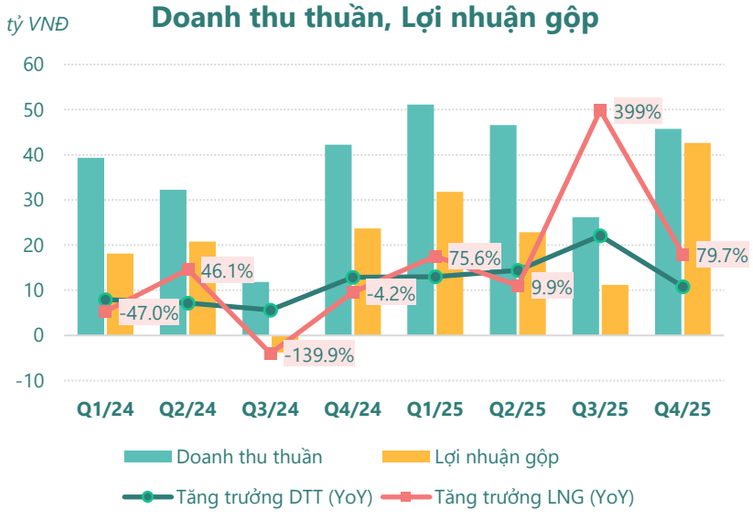
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

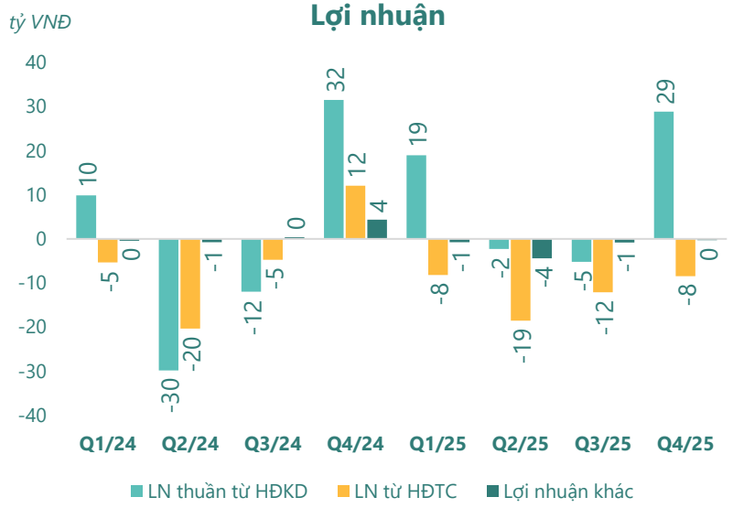
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



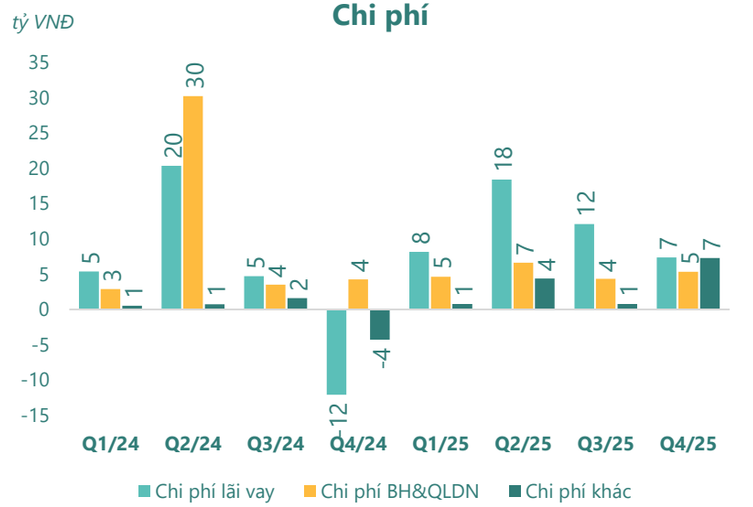
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



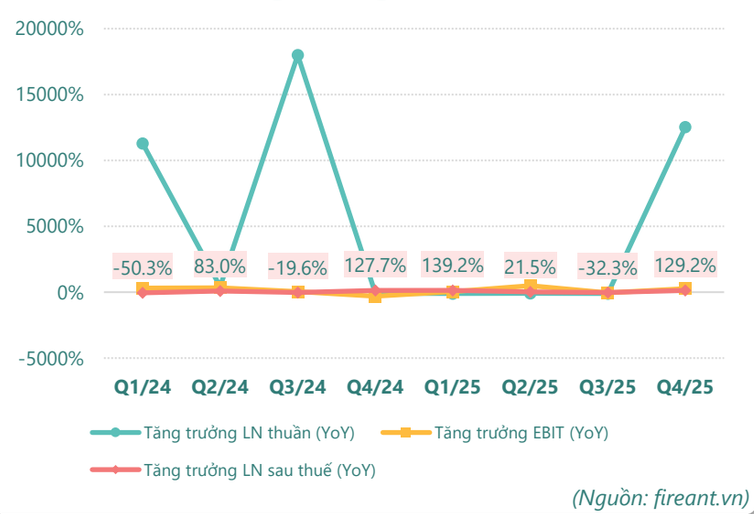
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



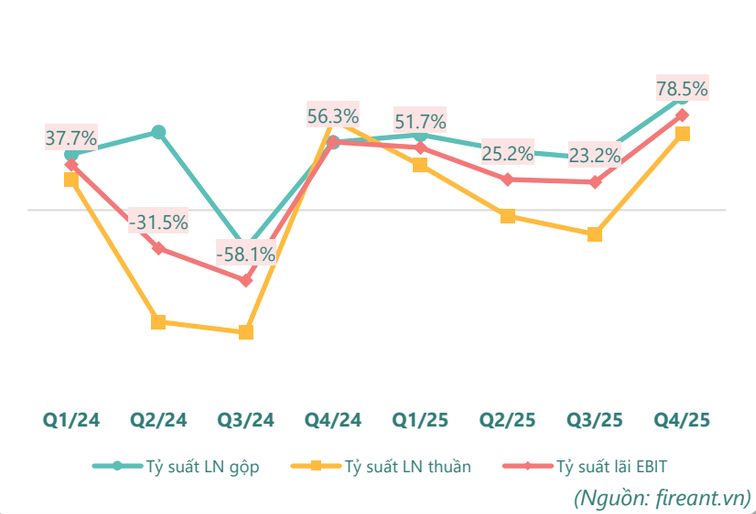
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



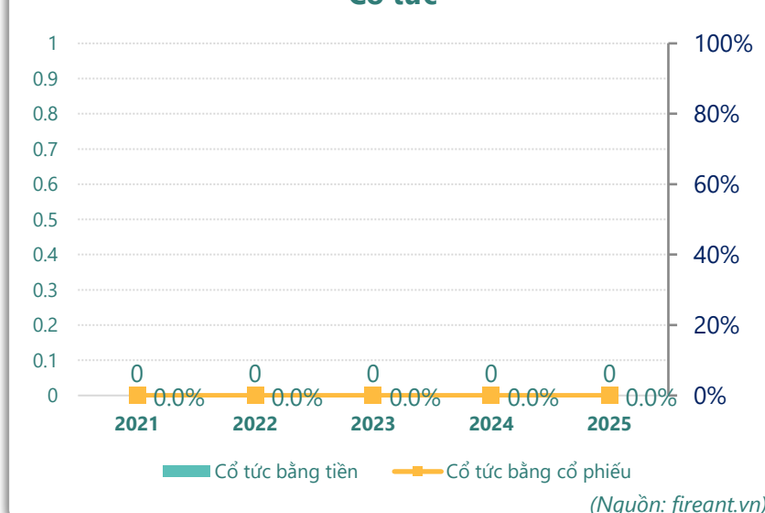
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

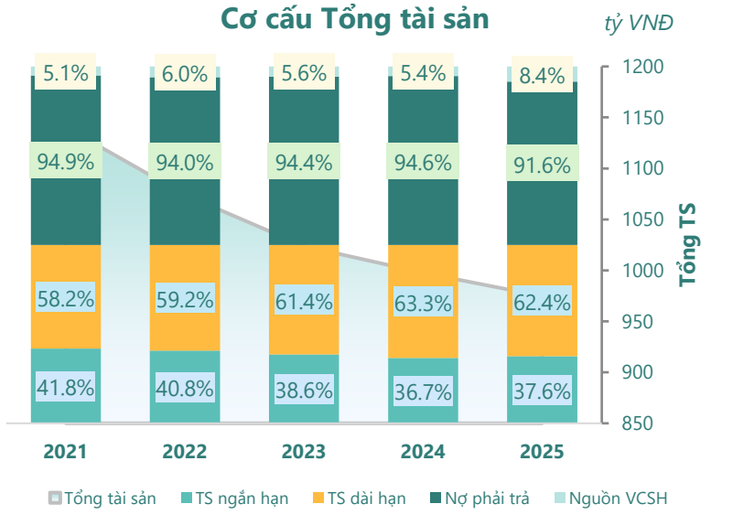
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

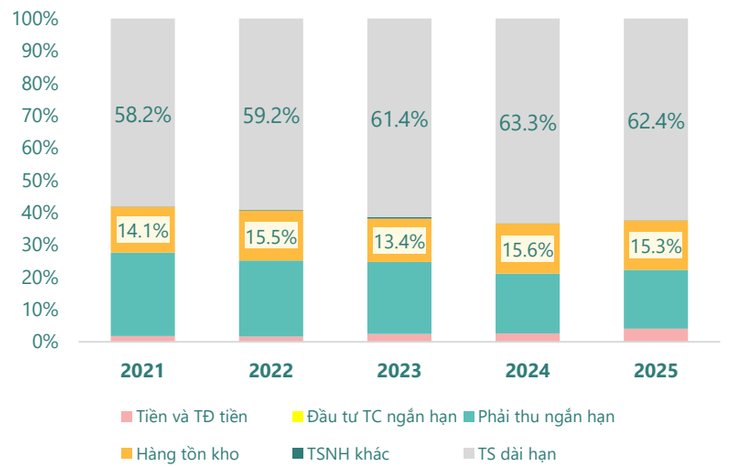
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



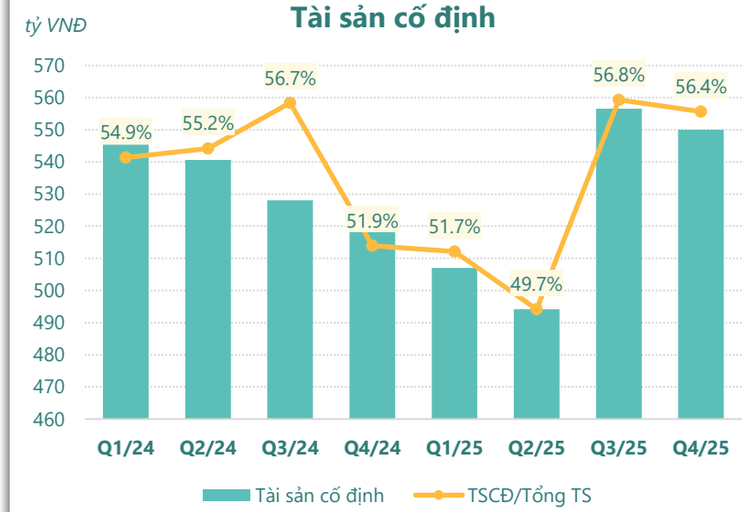
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



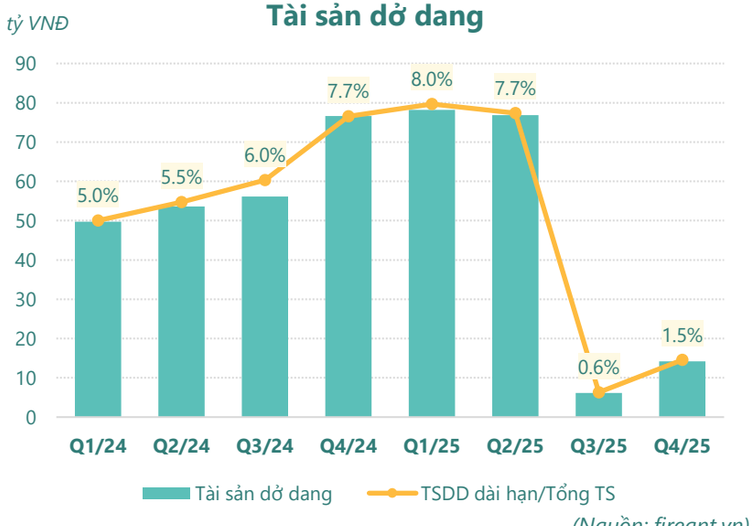
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



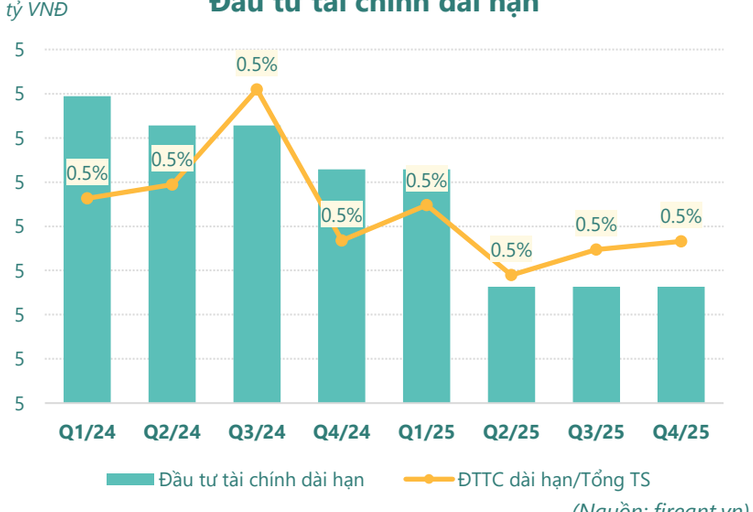
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



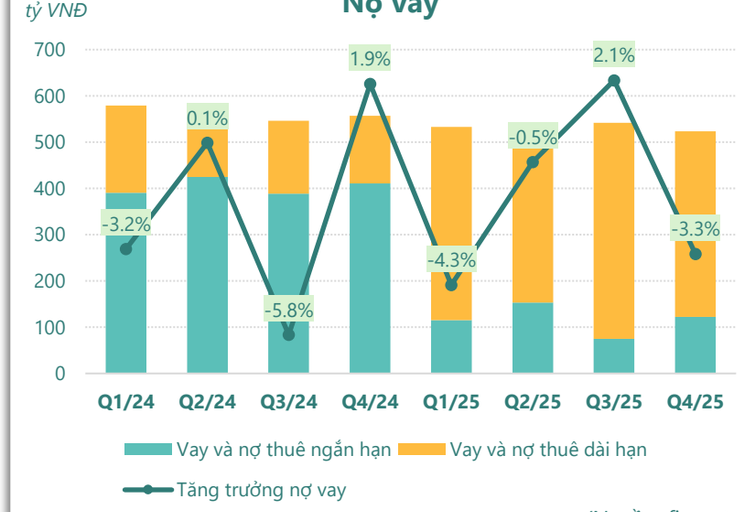
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

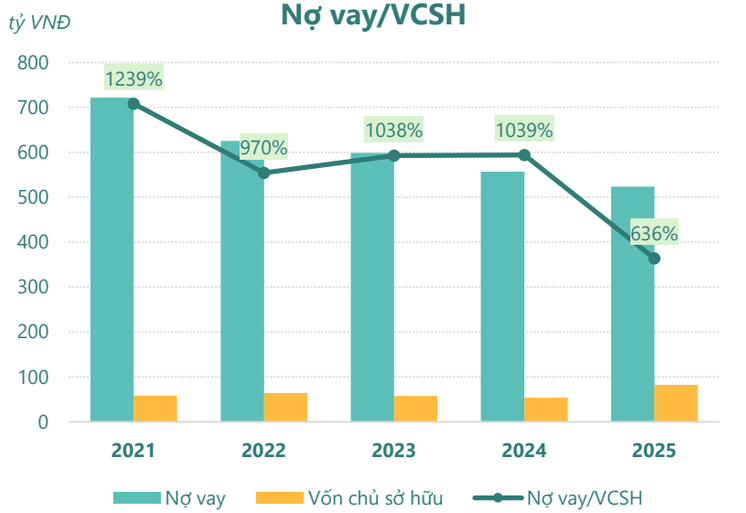
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

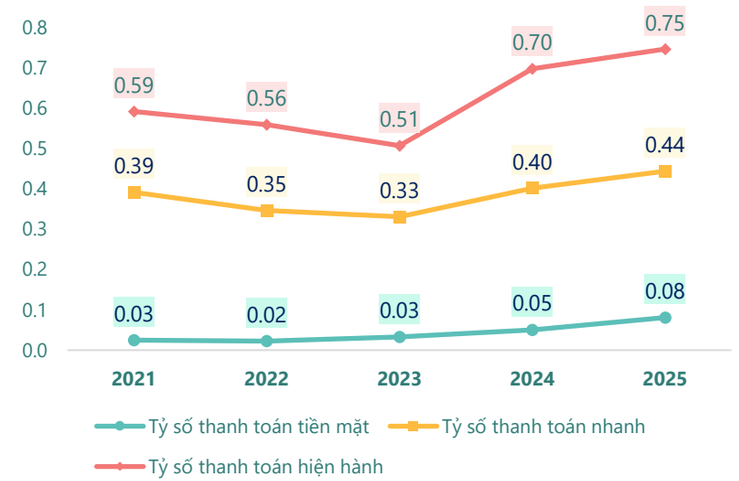
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



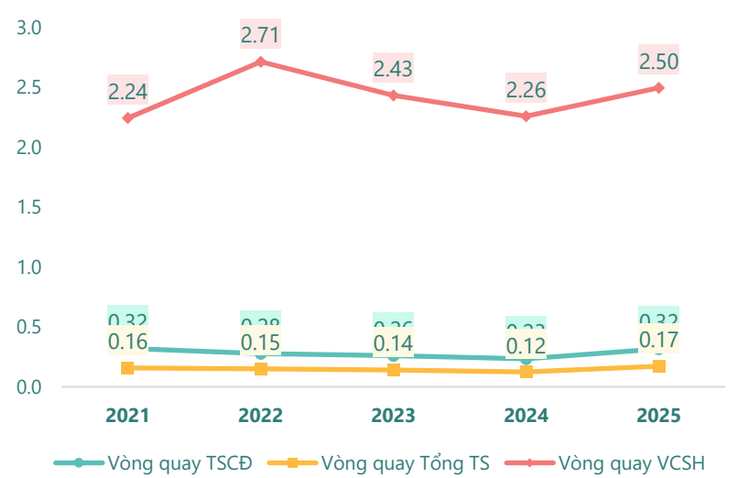
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



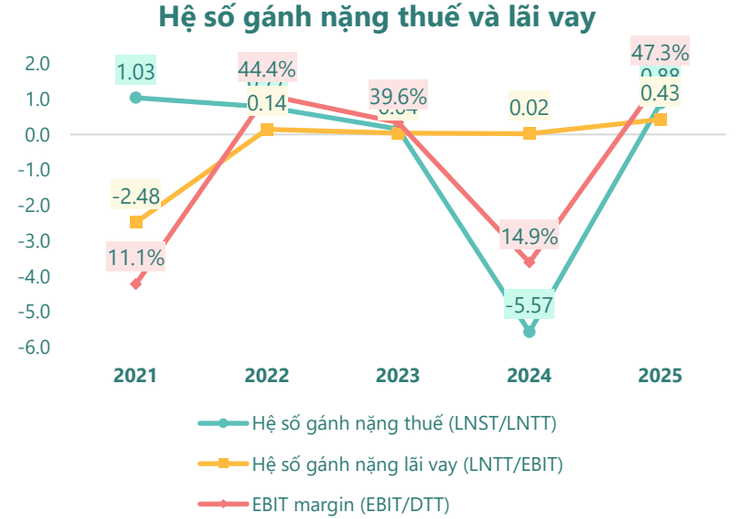
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



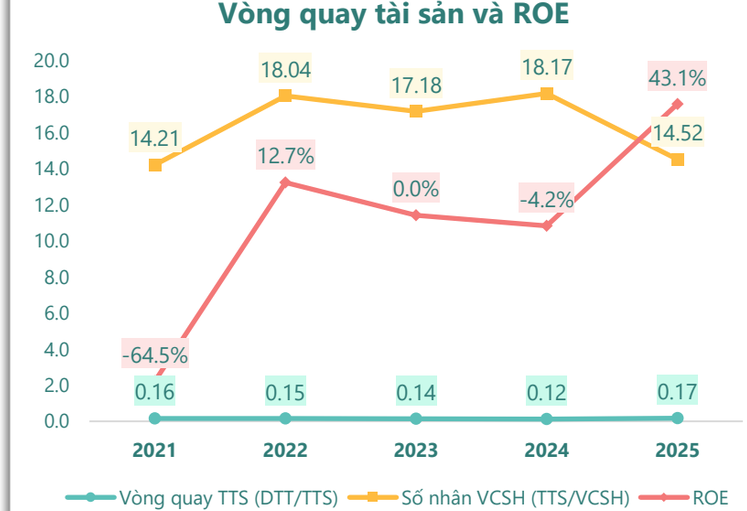
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



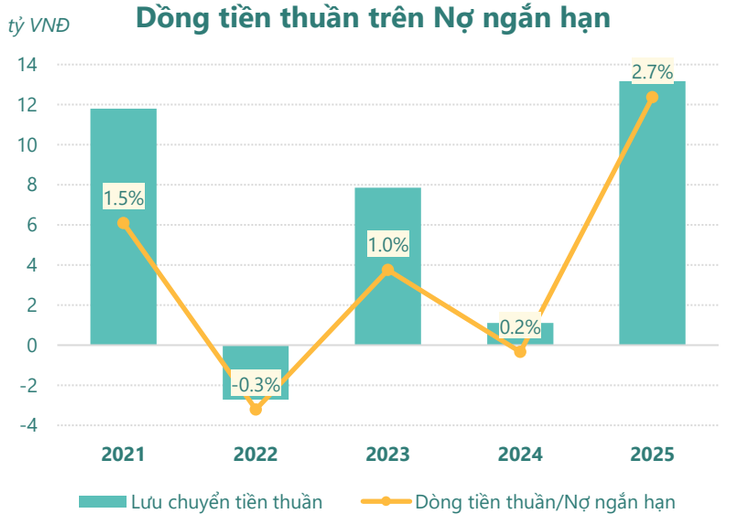
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**45.7**	**42.2**	**8.4%**	**170**	**126**	**35.0%**
Giá vốn hàng bán	3.11	18.5	-83.2%	61.1	55.3	10.6%
Lợi nhuận gộp	42.6	23.7	79.8%	109	70.4	54.2%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.06	44.3%	0.11	0.08	30.6%
Chi phí TC	8.53	-12.0	171%	47.4	18.5	156%
Chi phí lãi vay	7.36	-12.1	161%	46.1	18.4	150%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.35**	**4.28**	**24.9%**	**20.9**	**40.9**	**-48.8%**
LN thuần từ HĐKD	28.8	31.5	-8.5%	40.3	11.1	265%
Lợi nhuận khác	**-0.28**	**4.33**	**-106%**	**-6.23**	**-10.7**	**41.8%**
LN trước thuế	28.6	35.9	-20.5%	34.1	0.35	9584%
Lợi nhuận sau thuế	**26.3**	**34.9**	**-24.5%**	**30.0**	**-1.96**	**1632%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.0**	**34.8**	**-25.3%**	**29.3**	**-2.32**	**1361%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.04	14.9	0.83	50.3	-8.48	-61.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.22	0	-1.21	1.22	-1.19	66.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.7	10.6	-23.8	-2.77	11.2	-17.9
Tiền đầu kỳ	35.0	1.49	26.5	2.32	51.1	52.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-33.5**	**25.5**	**-24.2**	**48.7**	**1.49**	**-12.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.49	27.0	2.32	51.1	52.6	39.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**975**	**998**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	366	366	0.1%
Tiền và tương đương tiền	39.7	26.5	49.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	178	184	-3.4%
Hàng tồn kho	149	155	-4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.58	0.38	51.5%
Tài sản dài hạn	**608**	**631**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	2.25	2.25	0.0%
Tài sản cố định	550	520	5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.2	77.0	-81.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.83	4.96	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	**36.8**	**27.7**	**33.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	892	944	-5.5%
Nợ ngắn hạn	**491**	**525**	**-6.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	122	138	-11.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	94.7	142	-33.3%
Nợ dài hạn	401	419	-4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	401	419	-4.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**82.3**	**53.6**	**53.6%**
Vốn chủ sở hữu	**82.3**	**53.6**	**53.6%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)